

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2021

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị An

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1 Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2, Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

- **Đại diện VKSND thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự :

+ **Nguyên đơn:** **Chị Hoàng Thị Q** – sinh năm 1996

(có mặt tại phiên tòa)

+ **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Công Đ** – sinh năm 1990

(vắng mặt tại phiên tòa)

Cùng đăng ký HKTT tại: Xóm CĐ, xã CN, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/02/2021, bản tự khai ngày 05/4/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình bố mẹ anh Đ tại xóm CĐ, xã CN, TP. Thái Nguyên. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chỉ vui vẻ, hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Từ tháng 6 năm 2019, anh Đ bỏ đi không rõ lý do trong khi con vẫn đang bị ốm phải nằm viện. Từ đó đến nay, anh Đ không về chung sống với chị nữa và cũng không liên lạc

gì với chị. Năm 2020, con của anh chị bị chết do bệnh hiểm nghèo nhưng anh Đ cũng không về. Sau khi anh Đ bỏ đi, chị vẫn ở lại gia đình bố mẹ chồng một thời gian nhưng khi nhận thấy không còn hy vọng về sự Đ tỵ vợ chồng nữa thì chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sau đó đi làm ở Khu công nghiệp, thuê nhà ở trọ ở đến nay. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2015 nhưng do con bị bệnh hiểm nghèo nên đã chết năm 2020. Hiện tại, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Công Đ vắng mặt, không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tuy nhiên, tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình bố mẹ đẻ của anh Đ, bà Lý Thị N – mẹ đẻ của anh Đ cho biết: Anh Đ và chị Q là vợ chồng, có chung sống với bố mẹ chồng từ khi kết hôn năm 2015 nhưng sau một thời gian thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vì nhiều lý do, chủ yếu vì bất đồng quan điểm sống và mất niềm tin đối với nhau. Từ giữa năm 2019, anh Đ bỏ đi làm ăn xa, bà được biết, từ thời điểm đó, vợ chồng anh Đ, chị Q hầu như không quan tâm gì đến nhau nữa. Khi Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập về cho anh Đ, do anh Đ không ở nhà nên bà có gọi điện thông báo cho anh Đ biết nhưng anh Đ chỉ thông tin lại cho gia đình là do điều kiện đi làm ăn xa, không có điều kiện về để giải quyết vụ án. Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, anh Đ không muốn Đ tỵ chung sống với chị Q nữa vì tình cảm vợ chồng đã hết, việc chị Q xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Về con chung của vợ chồng anh Đ, bà Năm cho biết, vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2015 nhưng do cháu mắc bệnh hiểm nghèo nên đã chết năm 2020. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, bà được biết vợ chồng anh Đ không có tài sản gì chung và nợ chung, còn thực tế có hay không thì bà không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Q, cho chị Q được ly hôn anh Đ. Về con chung: đã chết. Về tài sản chung, nợ chung: Không

giải quyết. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm CĐ, xã CN, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Nguyễn Công Đ thông qua đại diện thân nhân cư trú cùng địa chỉ nhưng bị đơn không có mặt theo Giấy triệu tập nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn thông qua thân nhân nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh Đ vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Công Đ

[2.] Về nội dung: Chị Hoàng Thị Q và anh Nguyễn Công Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khe Mo, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ thông tin xác minh do thân nhân của anh Đ cung cấp, có cơ sở xác định: Chị Q và anh Đ đã chung sống vui vẻ, hạnh phúc trong thời gian đầu khi mới kết hôn, sau đó do bất đồng quan điểm sống và không còn niềm tin với nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Đ đã bỏ đi làm ăn xa, không về chung sống với vợ nữa. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Trong trường hợp này, chị Q và anh Đ thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Khi anh Đ bỏ đi, không quan tâm gì đến vợ, bản thân anh đã ý thức được điều đó đồng nghĩa với việc khó giữ gìn hạnh phúc gia đình cũng như duy trì sự tồn tại của cuộc hôn nhân mà mình đang có. Điều đó cho thấy, anh không có mong muốn vun đắp hạnh phúc gia đình hoặc níu kéo cuộc hôn nhân. Do vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị Q và anh Đ đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể

chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng chị Q, anh Đ có 01 con chung sinh năm 2015 nhưng con đã chết năm 2020 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Đ không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị Q đối với anh Nguyễn Công Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Công Đ
2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2015, đã chết năm 2020.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

* Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004557 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- UBND xã KM, H.Đ, TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

ĐÃ KÝ

Vũ Thị An

